TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/DS-ST
Ngày: 13-11- 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tiếp

2. Ông Võ Duy Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Cường- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 13 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2018/TLST- DS ngày 14 tháng 6 năm 2018 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Viết T1, sinh năm 1992
Địa chỉ: thôn T, xã P V, huyện Đ P, tỉnh Quảng Ngãi.

2.*Bị đơn*: Anh Trương Quang Y, sinh năm 1990
Địa chỉ: thôn H T, xã P Q, huyện Đ P, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1992
  Địa chỉ: thôn H T, xã P Q, huyện Đ P, tỉnh Quảng Ngãi.
- Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1992

Địa chỉ: thôn T, xã P V, huyện Đ P, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Y và chị S:

Bà Thái Thị Kim T2, sinh năm 1968 (theo văn bản ủy quyền ngày 15, 16/10/2018)

Địa chỉ: thôn H T, xã P Q, huyện Đ P, tỉnh Quảng Ngãi;

Tại phiên tòa, anh T1, bà T2 đều có mặt; chị C vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/5/2018, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Viết Tịnh trình bày:

Bị đơn có vay tiền của anh nhiều lần, tổng cộng các lần vay là 31.000.000 đồng, cụ thể ngày 05/10/2016 bị đơn vay số tiền 5.000.000 đồng; ngày 09/10/2016 vay số tiền 5.000.000 đồng; khoản vay này trong giấy vay tiền không ghi năm nhưng trên liền kề có ghi giấy vay năm 2016; ngày 16/10/2016 bị đơn vay số tiền 10.000.000 đồng; ngày 06/12/2016 vay số tiền 5.000.000 đồng; khoản vay này trong giấy không ghi năm nhưng phía trên liền kề có ghi giấy vay năm 2016; ngày 20/12/2016 vay tiếp số tiền 6.000.000 đồng; ngày vay này trong giấy không ghi tháng mấy nhưng phía trên liền kề có ghi tháng 12 nên anh xác định khoản vay này là vào ngày 20 tháng 12 năm 2016. Lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói là 0.2%/ tháng, bị đơn có trả lãi 2 tháng, từ tháng 11/2016 đến tháng 12/2016, trả lãi được 600.000đồng. Đối với khoản vay ngày 16/10/2016 vay số tiền 10.000.000 đồng, bị đơn ghi rõ trong giấy vay là mục đích vay là để mua lưới; những khoản khác bị đơn không ghi trong giấy vay mục đích vay, nhưng bị đơn nói là mua lưới đánh bắt cá; còn bản thân bị đơn vay để làm gì thì anh không biết. Bị đơn có khai ngày 06/12/2016 và ngày 20/12/2016, bị đơn vay tiền của anh và viết giấy trong tình trạng tinh thần không minh mẫn, nguyên nhân là do bị anh cho uống thuốc hướng thần, việc này là bị đơn vu khống, thực tế không có vấn đề này. Nay, anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trương Quang Y và vợ là chị Nguyễn Thị Thu S phải có trách nhiệm trả cho anh số tiền nợ 31.000.000 đồng, anh không yêu cầu lãi. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu anh phải trả 01 sợi dây chuyền 3 chỉ vàng 18k trị giá 12.000.000đồng và 2 chiếc nhẫn mỗi chiếc 2 chỉ vàng 18k, trị giá 10.000.000 đồng, anh không đồng ý vì anh không có chiếm đoạt số vàng này.

Tại bản tự khai ngày 05/7/2018, bản tự khai ngày 17/7/2018, đơn khởi kiện (yêu cầu phản tố) ngày 26/7/2018 của bị đơn anh Trương Quang Y và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn có bà Thái Thị Kim T2 trình bày:

Con của bà là Trương Quang Y có quen biết với Nguyễn Viết T1, bị đơn có đến nhà T1 đánh bi da, sau đó T1rũ vào nhà đánh bài (thời gian cụ thể bị đơn không nhớ), ngày 05/10/2016, bị đơn có đến nhà T1 chơi thì T1 rũ bị đơn đánh bài bằng hình thức binh xập xám, bị đơn thua bài, hết tiền bị đơn có vay của Tịnh số tiền 5.000.000 đồng đánh bài tiếp và thua hết; bị đơn không đánh tiếp nữa mà ra ngồi bàn ở ngoài, thì T1

yêu cầu bị đơn viết giấy nhận nợ số tiền bị đơn vay 5.000.000 đồng, sau khi viết và ký vào giấy xong bị đơn đi về. Ngày 09/10/2016, bị đơn có vay của Nguyễn Viết T1 số tiền 5.000.000 đồng, ngày 16/10/2016, bị đơn vay tiếp của T1 số tiền 10.000.000 đồng; ngày 06/12/2016, bị đơn vay của T1 số tiền 5.000.000 đồng; tất cả các lần vay bị đơn có viết và ký vào giấy vay; đến ngày 20/12/2016, bị đơn có đến nhà Tịnh chơi đánh bài, sau khi thua hết tiền, bị đơn ra về thì bị đơn có uống ly nước thì bị đơn không nhớ gì, bị đơn không nhớ có vay tiền cũng như viết giấy vay tiền của Nguyễn Viết T1 số tiền 10.000.000 đồng hay không. Các lần vay ngày 05/10/2016, ngày 09/10/2016 và ngày 16/10/2016 tại nhà T1, bị đơn và Nguyễn Viết T1 có thỏa thuận bằng lời việc trả lãi, với mức lãi suất 20%/ tháng, bị đơn đã trả lãi được 03 lần với số tiền lãi 4.000.000 đồng thì không trả lãi nữa. Việc thỏa thuận lãi và trả lãi số tiền 4.000.000 đồng, bị đơn không có chứng cứ gì chứng minh, cũng như bị đơn không có yêu cầu gì đối với số lãi đã trả. Bị đơn cũng không có chứng cứ gì chứng minh việc vay tiền của Nguyễn Viết T1 để đánh bạc và không có chứng cứ để chứng minh các lần vay tiền ngày 06/12/2016 và ngày 20/12/2016 trong trạng thái tinh thần không được tỉnh táo. Bị đơn thừa nhận có vay tiền các ngày 05/10/2016, ngày 09/10/2016 và ngày 16/10/2016, bị đơn là người trực tiếp viết giấy vay tiền, giấy này T1 giữ. Còn lần vay ngày 06/12/2016, ngày 20/12/2016 chữ viết và chữ ký là của bị đơn. Nay bị đơn chỉ đồng ý trả cho Nguyễn Viết T1 số tiền nợ 20.000.000 đồng vay tiền 05/10/2016, 09/10/2016 và ngày 16/10/2016 trong lúc bị đơn tỉnh táo còn các lần còn lại bị đơn vay, khi tinh thần không tỉnh táo bị đơn không đồng ý trả. Bị đơn yêu cầu Nguyễn Viết T1 phải trả lại cho bị đơn 01 sợi dây chuyền 3 chỉ vàng 18k, 02 nhẫn vàng 18k mỗi chiếc 2 chỉ; trị giá 22.000.000 đồng. Khi nào nguyên đơn trả vàng thì bị đơn mới trả số tiền 20.000.000 đồng cho nguyên đơn. Sau khi bị đơn nhận được Biên bản kết thúc giải quyết ngày 12/10/2018 và Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 36, ngày 12/10/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Đức Phổ bị đơn thống nhất, không khiếu nại tiếp. Việc bà T2 có đơn yêu cầu Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án là để bị đơn có thời gian khởi kiện yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại do nguyên đơn gây thương tích cho bị đơn.

Tại bản tự khai ngày 26/7/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu Sương và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của chị S là bà Thái Thị Kim T2 trình bày:

Chị S không biết việc chồng chị là anh Trương Quang Y vay tiền của anh Nguyễn Viết T1 nên chị S không đồng ý cùng anh Y trả số nợ 31.000.000đồng cho anh T1.

Chị S yêu cầu Tòa giải quyết buộc anh T1 phải trả cho vợ chồng chị S 01 sợi dây chuyền 3 chỉ vàng 18k trị giá 12.000.000đồng và 02 chiếc nhẫn mỗi chiếc 2 chỉ vàng 18k, trị giá 10.000.000đồng.

Trong bản tự khai ngày 27/7/2018, ngày 20/9/2018, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/10/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Chị không biết việc chồng chị là anh Nguyễn Viết T1 đã cho anh Trương Quang Y vay tiền nên chị không liên quan đến số tiền này. Đối với yêu cầu đòi vàng của bị đơn chị không biết và cũng không liên quan đến, chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn, người có quyền lợi, ngĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu S chưa chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự khi vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai, chứng cứ và hòa giải ngày 25/9/2018.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Y, chị S phải trả cho anh T1 số tiền 31.000.000đồng; không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc đòi lại 01 sợi dây chuyền 3 chỉ vàng 18k và 2 chiếc nhẫn mỗi chiếc 2 chỉ vàng 18k.

Về án phí: Đề nghị buộc anh Y, chị S phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: nguyên đơn anh Nguyễn Viết T1 tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn anh Trương Quang Y, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn anh Nguyễn Viết T1 tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn anh Trương Quang Y. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trương Quang Y phản tố yêu cầu nguyên đơn trả lại cho bị đơn 01 sợi dây chuyền 3 chỉ vàng 18k và 2 chiếc nhẫn mỗi chiếc 2 chỉ vàng 18k. Tòa án bổ sung quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản là đúng quy định tại khoản 2, 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim C vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C.

[4] Xét hợp đồng vay giữa các bên, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn là anh Nguyễn Viết T1 là bên cho vay và bị đơn là anh Trương Quang Y là bên vay có thiết lập giao dịch vay tiền bằng giấy viết tay. Các lần vay ngày 05/10/2016 và ngày 16/10/2016, các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ trong vòng 01 tháng và có thỏa thuận bằng lời nói việc trả lãi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự thì đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Các lần vay ngày 09/10/2016, ngày 06/12/2016 và ngày 20/12/2016, các bên đương sự đều thừa nhận khoản vay này không có thỏa thuận thời hạn trả nợ và các bên có thỏa thuận bằng lời nói vay có lãi và bị đơn có trả lãi cho nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự thì đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn và có lãi. Xét hợp đồng giữa các bên là hợp pháp, nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định: Từ ngày 05/10/2016 đến ngày 20/12/2016, bị đơn có vay của nguyên đơn nhiều lần với tổng số tiền 31.000.000 đồng. Đối với các giấy vay ngày 05/10/2016, ngày 09/10/2016 và ngày 16/10/2016, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, bị đơn thừa nhận có vay và đồng ý trả nợ. Còn ngày 06/12/2016 vay 5.000.000 đồng, ngày 20/12/2016 vay 6.000.000 đồng, bị đơn thừa nhận chữ viết và chữ ký trong các giấy vay này là của bị đơn; bị đơn cho rằng bị đơn không nhớ là có vay hay không, bị đơn bị nguyên đơn cho uống thuốc mê sau đó nguyên đơn điều khiển bị đơn làm theo và ký tên vào giấy vay, nên bị đơn không đồng ý trả, nhưng bị đơn không có chứng cứ nào để chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Bị đơn thừa nhận các lần vay tiền của nguyên đơn, bị đơn chưa trả, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ 31.000.000 đồng là có căn cứ. Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ là 31.000.000 đồng.

[7] Mục đích vay tiền theo như lời khai của bị đơn là do bị đơn đánh bài thua nợ, tuy nhiên bị đơn không có chứng cứ nào chứng minh bị đơn vay tiền để đánh bài, trong khi giấy nợ ngày 16/10/2016 bị đơn ghi mục đích vay là để mua lưới và bị đơn thừa nhận bị đơn làm nghề đi biển, giấy vay này bị đơn thừa nhận bị đơn ghi trong trạng thái tinh thần minh mẫn và chữ trong giấy vay là của bị đơn. Do vậy việc nguyên đơn khai mục đích bị đơn vay để mua lưới đánh bắt cá là có căn cứ.

[8] Chị Nguyễn Thị Thu S là vợ của anh Trương Quang Y khai chị không biết việc chồng vay tiền để mua lưới đánh bắt cá, tuy nhiên bị đơn vay tiền khi hôn nhân giữa chị S và anh Y đang tồn tại. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của chị S thừa nhận, vợ chồng bị đơn có làm ăn kinh tế tích góp riêng. Do vậy căn cứ vào Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình cần phải buộc chị S, anh Y cùng có nghĩa vụ trả số tiền 31.000.000 đồng cho anh T1.

[9] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn:

Bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải trả 01 sợi dây chuyền 3 chỉ vàng 18k và 4 chỉ nhẫn vàng 18k (giá vàng 18k thời điểm ngày 13/11/2018 là 2.300.000 đồng/chỉ, thành tiền là 16.100.000 đồng) cho bị đơn. Bị đơn cho rằng các tài sản này là do nguyên đơn

đã cho bị đơn uống thuốc mê sau đó chiếm đoạt các tài sản này của bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn không có chứng cứ nào chứng minh việc nguyên đơn đã lấy các tài sản này của bị đơn. Mặt khác sự việc này của bị đơn, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Đức Phổ đã kết luận không có căn cứ để xác định trong năm 2016 tại nơi ở của Nguyễn Viết T1 diễn ra hoạt động đánh bạc và hoạt động giao dịch mượn tiền vì mục đích đánh bạc, không có hành vi chiếm đoạt tài sản nên xác định không có sự việc phạm tội xảy ra và quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Do vậy, yêu cầu phản tố của bị đơn là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Việc người đại diện theo ủy quyền bà Thái Thị Kim T2 có đơn yêu cầu Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án là để bị đơn có thời gian khởi kiện yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại do nguyên đơn gây thương tích cho bị đơn, không liên quan đến giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Y, chị S cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là (31.000.000đồng x 5% + 16.100.000 đồng x 5%) = 2.355.000 đồng.

[14] Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 469 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Viết T1; buộc anh Trương Quang Y và chị Nguyễn Thị Thu S cùng có nghĩa vụ trả cho anh T1 số tiền 31.000.000 đồng *(Ba mươi mốt triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Trương Quang Y yêu cầu anh Nguyễn Viết T1 trả lại cho anh Y, chị S 01 sợi dây chuyền 3 chỉ vàng 18k và 02 nhẫn vàng 4chỉ vàng 18k, tổng trị giá 16.100.000 đồng (*Mười sáu triệu một trăm nghìn đồng*).

2.Về án phí:

Anh Trương Quang Y, chị Nguyễn Thị Thu S cùng phải chịu 1.550.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ cho anh Nguyễn Viết T1 và 805.000 đồng (*Tám trăm lẻ năm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về không chấp nhận yêu cầu phản tố. Tổng cộng là 2.355.000 đồng (*Hai triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng*), nhưng được vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 550.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0001515 ngày 01/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Phổ. Anh Y, chị S còn phải tiếp tục nộp 1.805.000 đồng (*Một triệu tám trăm lẻ năm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Viết T1 số tiền 775.000đồng*(Bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001453 ngày 14/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Phổ.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thu S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đức Phổ;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS huyện Đức Phổ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Sang